

Số: 248 /QĐ-CNCHL

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019 của
Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**

Căn cứ Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ);

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu Công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông báo số 921/TB-BTC ngày 08/12/2020 của Bộ Tài chính về việc thông báo Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các Lãnh đạo Ban;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC.

(06)



Đơn vị: Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
Chương: 181



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-CNCHL ngày 31 tháng 12 năm 2020)

ĐV tính: Triệu đồng

Số T T	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quý lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	8.668.030.971	8.756.575.723			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	7.871.080.992	7.871.080.992			
3	Thu sự nghiệp khác	796.949.979	885.494.731			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	8.631.737.541	8.553.397.373			552.951.959
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	7.894.873.916	7.734.367.965			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	736.863.625	819.029.408			
C	Số thu nộp NSNN	7.127.654	7.127.654			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	7.127.654	7.127.654			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	26.857.984.436	26.857.984.436			
I	Chi quản lý hành chính	12.093.819.046	12.093.819.046	7.453.789.015	451.393.200	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.965.405.385	8.965.405.385	7.453.789.015		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.128.413.661	3.128.413.661			
2	Nghiên cứu khoa học	5.145.590.116	5.145.590.116	2.143.258.405	179.190.000	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	3.814.000.000	3.814.000.000	2.143.258.405		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.331.590.116	1.331.590.116			
6	Chi hoạt động kinh tế	9.618.575.274	9.618.575.274			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.618.575.274	9.618.575.274			



Đơn vị: Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
Chương: 181



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2248/QĐ-CNCHL ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Số TT	Nội dung	Văn phòng		Trung tâm Ươm tạo và Đào tạo công nghệ cao		Trung tâm Dịch vụ và đổi mới công nghệ		Đơn vị tính: Triệu đồng
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	
I	Quyết toán thu							
A	Tổng số thu	2.966.458	2.966.458	2.836.196.992	2.836.196.992	5.828.867.521	5.917.412.273	
1	Số thu phí, lệ phí							
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ							
3	Thu sự nghiệp khác	2.966.458	2.966.458	2.836.196.992	2.836.196.992	5.034.884.000	5.034.884.000	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	2.864.000	2.864.000	2.697.415.668	2.697.415.668	793.983.521	882.528.273	
1	Chi từ nguồn thu phi được để lại					5.931.457.873	5.853.117.705	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ							
3	Hoạt động sự nghiệp khác	2.864.000	2.864.000	2.697.415.668	2.697.415.668	5.197.458.248	5.036.952.297	
C	Số thu nộp NSNN			7.127.654	7.127.654	733.999.625	816.165.408	
1	Số phi, lệ phí nộp NSNN							
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ							
3	Hoạt động sự nghiệp khác			7.127.654	7.127.654			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	22.743.986.236	22.743.986.236	3.814.000.000	3.814.000.000	299.998.200	299.998.200	
I	Chi quản lý hành chính	12.093.819.046	12.093.819.046					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.965.405.385	8.965.405.385					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.128.413.661	3.128.413.661					
2	Nghiên cứu khoa học	1.031.591.916	1.031.591.916	3.814.000.000	3.814.000.000	299.998.200	299.998.200	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ							
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.031.591.916	1.031.591.916	3.814.000.000	3.814.000.000			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.618.575.274	9.618.575.274			299.998.200	299.998.200	
6	Chi hoạt động kinh tế							
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.618.575.274	9.618.575.274					

